

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 178/2024/DS-PT

Ngày 17 – 4 – 2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 3 và ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 131/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Lê Văn L, sinh năm 1980 (Có mặt);

2. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1984 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1953 (Có mặt);

2. Anh Lê Minh Đ1, sinh năm 1978 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Lê Minh Đ2, sinh năm 1979 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, T, Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn Đ, anh Lê Minh Đ1, anh Lê Minh Đ2: Ông Trương Hữu T1, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Á (Vắng mặt);
2. Anh Lê Minh Đ3, sinh năm 1980 (Vắng mặt);
3. Chị Hà Thanh T2 (Vắng mặt);
4. Chị Huỳnh Hồng M, sinh năm 1979 (Vắng mặt);
5. Anh Lê Chí N (Vắng mặt);
6. Chị Nguyễn Thị Ngọc T3 (Vắng mặt);
7. Anh Lê Huỳnh T4 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

8. Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1982 (Vắng mặt);
9. Chị Lê Khánh B1 (Vắng mặt);
10. Chị Lê Mỹ Q (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn Đ, anh Lê Minh Đ1, anh Lê Minh Đ2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo anh Lê Văn L và chị Bùi Thị T trình bày:*

Anh L và chị T có phần đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện T, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 30.000m², thuộc thửa đất số 0267, tờ bản đồ số 16. Vị trí: Mặt tiền giáp với kênh 8 thước; mặt hậu giáp với đất ông H, ông G, ông Đ4, ông H1, ông M1, ông K, ông N1; cạnh phải (nhìn từ phía mặt tiền) giáp với đất ông Đ, anh Đ1, ông Đ2; cạnh trái (nhìn từ mặt tiền) giáp với đất ông T5.

Nguồn gốc đất là do cha anh L là ông Lê Văn T6 tặng cho; anh L và chị T đã quản lý sử dụng canh tác liên tục trên 20 năm. Trong quá trình quản lý sử dụng đất anh L, chị T có cuộc bờ làm vuông, sửa bờ nhiều lần và có trồng hàng dừa gần 20 năm cặp với đất ông Đ nhưng ông Đ và các con không ai có ý kiến ngăn cản gì.

Năm 2020, ông Đ cất nhà sau, xây thêm phần tiền chế có lấn qua phần đất của anh L, chị T gần 2m. Khi cấm trụ đá với ông Đ, anh Đ1, anh Đ2, anh L và chị T đã nhượng bộ thì ông Đ, anh Đ1, anh Đ2 lấn thêm qua phần đất của anh L và chị T, nên anh L và chị T không đồng ý việc cấm trụ đá, hiện trụ đá vẫn còn.

Ngày 01/05/2021, anh L thuê xe cuốn vào cải tạo đất thì ông Đ, anh Đ1 đòi cấm lại ranh đất và đòi chia bờ ra làm hai, còn anh Đ2 thì căn cứ trên mốc giới của ông Đ, anh Đ1 cấm rồi anh Đ2 cấm theo (vì phần đất của anh Đ2 ở giữa phần đất của ông Đ, anh Đ1) cho nên anh Đ2 cũng lấn qua phần đất của anh L và chị T. Sự việc được địa phương giải quyết nhiều lần nhưng không thành. Vì vậy, anh L chị T khởi kiện yêu cầu ông Đ, anh Đ1, anh Đ2 và những người có liên quan khai thác, tháo dỡ, di dời mái che và cây trồng trả lại phần đất tranh chấp cho anh L và chị T theo Bản vẽ của Công ty T7, cụ thể: Ông Đ phải trả diện tích 107,9m² (thửa 10); anh Đ1 phải trả diện tích 308m² (thửa 1); anh Đ2 phải trả diện tích 79,1m² (thửa 6).

- *Theo ông Lê Văn Đ trình bày:*

Anh L và chị T trình bày là không chính xác, vì bờ vuông đang tranh chấp là bờ chung. Phần đất của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 244333 ngày 07/4/2020 có diện tích 4.287,8m² thuộc thửa số 473 tờ bản đồ số

21, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện T, khi cấp có Công ty T7 đo đạc, xác định tọa độ, mốc giới, có kẻ cận là anh L ký tên, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định.

Quá trình sử dụng đất, bên ông có ao nuôi cá cặp với đất anh L, ông không có cuộc bờ vì không có đường xe cuộc vô. Trước đây anh L trồng dừa bên phần bờ của ông, nhưng do anh L là cháu ruột của ông nên ông để cho anh L trồng. Phần bờ chung hiện nay đã được hai bên thống nhất cắm trụ đá làm ranh, trụ đá hiện nay vẫn còn, ông Đ thống nhất ranh đất theo trụ đá đã cắm. Ông Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh L, chị T.

Trên phần đất tranh chấp vợ chồng ông có xây dựng một phần mái che (nhà sau), trồng 01 cây dừa, 01 cây tắc, 01 cây xoài và 01 cây ổi nếu Tòa án kết luận ông có lấn đất của anh L và chị T thì ông đồng ý khai thác, tháo dỡ, di dời trả đất cho anh L, chị T.

- Theo anh Lê Văn Đ5 trình bày:

Anh Đ5 cho rằng phần bờ đang tranh chấp là bờ ranh chung giữa hai bên. Phần đất của anh đang sử dụng được ông Đ cho, anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 244336 ngày 07/4/2020 có diện tích 18.497,6m² thuộc thửa số 467 tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại Ấp H, xã T, huyện T, khi cấp có Công ty T7 đo đạc, xác định tọa độ, mốc giới, anh Đ5 xác định thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định, có xác nhận của các hộ giáp ranh trong đó có anh L. Phần bờ chung hiện nay đã được hai bên thống nhất cắm trụ đá làm ranh, trụ đá hiện nay vẫn còn, anh Đ5 thống nhất ranh đất theo trụ đá đã cắm. Anh Đ5 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh L, chị T.

- Theo anh Lê Minh Đ2 trình bày:

Nguồn gốc đất anh Đ2 sử dụng là được ông Đ cho. Phần đất của anh nằm giữa phần đất của ông Đ và anh Đ5, anh đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 244335 cấp ngày 07/4/2020, khi cấp có Công ty T7 đo đạc, xác định tọa độ, mốc giới, anh Đ2 xác định thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định, có xác nhận của các hộ giáp ranh trong đó có anh L. Anh Đ2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh L, chị T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L, chị Bùi Thị T về việc yêu cầu ông Lê Văn Đ, anh Lê Minh Đ1, anh Lê Minh Đ2 và những người liên quan giao trả đất.

Buộc ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị Á, anh Lê Minh Đ3, chị Hà Thanh T2 giao trả phần đất tranh chấp cho anh Lê Văn L, chị Bùi Thị T quản lý, sử dụng (theo mảnh trích đo địa chính ngày 22 tháng 9 năm 2022 và bản vẽ bổ sung của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T7): Mặt tiền giáp phần đất ông Đ chuyển nhượng cho anh B2 mốc M19 dài 0m; mặt hậu giáp phần đất tranh chấp giữa anh L, chị T với anh Đ2 mốc M22, M23 dài 1,6m; cạnh bên phải (*nhìn từ mặt tiền*) giáp với phần đất còn lại của ông Đ mốc M19, M22 dài 134,67m; cạnh bên trái

(nhìn từ mặt tiền) giáp với phần đất còn lại của anh L, chị T mốc M19, M23 dài 134,92m. Diện tích thực tế là 111,7m² (thửa giả định 10 và một phần thửa 15).

Buộc anh Lê Minh Đ2, chị Lê Thị Ngọc B, chị Lê Khánh B1, chị Lê Mỹ Q giao trả phần đất tranh chấp cho anh Lê Văn L, chị Bùi Thị T quản lý, sử dụng (theo mảnh trích đo địa chính ngày 22 tháng 9 năm 2022 và bản vẽ bổ sung của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T7): Mặt tiền giáp phần đất anh L, chị T tranh chấp với ông Đ mốc M22, M23 dài 1,6m; mặt hậu giáp phần đất tranh chấp giữa anh L, chị T với anh Đ1 mốc M24, M25 dài 1,33m; cạnh bên phải (nhìn từ mặt tiền) giáp với phần đất còn lại của anh Đ2 mốc M22, M25 dài 54,61m; cạnh bên trái (nhìn từ mặt tiền) giáp với phần đất còn lại của anh L, chị T mốc M23, M24 dài 54,53m. Diện tích thực tế là 79,1 m² (Thửa giả định số 6).

Buộc Lê Minh Đ1, chị Huỳnh Hồng M, anh Lê Chí N, chị Nguyễn Thị Ngọc T3, anh Lê Huỳnh Tính g trả phần đất tranh chấp cho anh Lê Văn L, chị Bùi Thị T quản lý, sử dụng (theo mảnh trích đo địa chính ngày 22 tháng 9 năm 2022 và bản vẽ bổ sung của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T7): Mặt tiền giáp phần đất anh L, chị T tranh chấp với anh Đ2 mốc M24, M25 dài 1,33m; mặt hậu giáp phần đất anh R, chị L1 mốc M2, M3 dài 1,63m; cạnh bên phải (nhìn từ mặt tiền) giáp với phần đất còn lại của anh Đ1 mốc M3, M25 dài 210m; cạnh bên trái (nhìn từ mặt tiền) giáp với phần đất còn lại của anh L, chị T mốc M2, M24 dài 209,92m. Diện tích thực tế là 308 m² (Thửa giả định số 1).

Buộc ông Lê Văn Đ, bà Lê Thị Á, anh Lê Minh Đ3, chị Hà Thanh T2 khai thác, tháo dỡ, di dời một phần mái che (nhà sau), 01 cây dừa, 01 cây tắc, 01 cây xoài và 01 cây ôi trả đất cho anh Lê Văn L, chị Bùi Thị T quản lý, sử dụng.

- Đối với phần đất ông Lê Văn Đ xác định tại các mốc M11,12,18,19 (theo mảnh trích đo địa chính ngày 22/9/2022 và bản vẽ bổ sung của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T7) là ngoài phạm vi khởi kiện của anh L, chị T nên tách ra thành vụ án khác nếu có yêu cầu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/12/2023 ông Lê Văn Đ, anh Lê Minh Đ1, anh Lê Minh Đ2 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L, chị Bùi Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn Đ, anh Lê Minh Đ1, anh Lê Minh Đ2 giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông T1 phát biểu: Phần đất của các bị đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi làm thủ tục cấp giấy có đo đạc, có hai bên giáp ranh thống nhất ký xác định ranh đất. Phần đất các bị đơn được cấp có đo đạc kích thước theo toạ độ; phần đất anh L và chị T được cấp không có đo đạc theo toạ độ. Theo đo đạc, diện tích đất ông Đ, anh Đ1, anh Đ2 đang sử dụng giảm so với diện tích được cấp quyền sử dụng. Phần đất giữa hai bên đã được thống nhất cắm trụ đá làm ranh, trụ đá hiện nay vẫn còn. Tại biên bản hoà giải tranh chấp của Ủy ban nhân dân xã T, anh L và chị T thống nhất trụ đá xác định ranh đất. Các bị đơn thống nhất ranh

đất theo trụ đá đã cắm. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Đ, anh Đ1, anh Đ2; sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L và chị T.

Ông Đ, anh Đ1, anh Đ2 không có ý kiến tranh luận.

Anh L và chị T phát biểu: Anh L và chị T thống nhất 02 trụ đá cắm ở 02 đầu của phần đất, còn lại trụ đá cắm ở giữa không thống nhất. Anh L và chị T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Đ, anh Lê Minh Đ1, anh Lê Minh Đ2, sửa bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L và chị Bùi Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Lê Văn Đ, anh Lê Minh Đ1, anh Lê Minh Đ2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Phần đất tranh chấp giữa anh Lê Văn L và chị Bùi Thị T với ông Đ, anh Đ1, anh Đ2 là phần bờ ranh giáp ranh giữa đất anh L và chị T với đất ông Đ, anh Đ1, anh Đ2. Theo đo đạc, phần tranh chấp với ông Đ diện tích 111,7m²; phần tranh chấp với anh Đ2 diện tích 79,1m²; phần tranh chấp với anh Đ1 diện tích 308m². Quá trình sử dụng đất các bên đã thống nhất cắm trụ đá để phân ranh đất. Anh L và chị T cho rằng toàn bộ phần bờ giáp ranh giữa đất anh L và chị T với đất ông Đ, anh Đ, anh Đ2 là của anh L và chị T, anh L và chị T đã có trồng dừa trên đất cách nay gần 20 năm; năm 2022 anh L và chị T có nhượng bộ cắm trụ đá để làm ranh đất, nhưng nay anh L và chị T không thống nhất với trụ đá đã cắm, nên yêu cầu ông Đ, anh Đ, anh Đ2 trả lại phần đất tranh chấp. Ông Đ cho rằng phần bờ giáp ranh giữa đất anh L và chị T với đất ông Đ, anh Đ, anh Đ2 là bờ ranh chung, do anh L là cháu ruột của ông nên trước đây anh L và chị T trồng dừa trên phần bờ của ông, ông vẫn để cho trồng; năm 2022 các bên đã có thống nhất cắm trụ đá để xác định ranh đất, trụ đá hiện nay vẫn còn. Ông Đ, anh Đ1, anh Đ2 không đồng ý yêu cầu của anh và chị T; yêu cầu giữ nguyên ranh đất theo trụ đá đã cắm.

[2] Qua các tài liệu chứng cứ thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/4/2024 thể hiện trên phần bờ tranh chấp anh L và chị T có trồng dừa và các trụ đá mà các bên đã thống nhất cắm để xác định ranh đất vẫn còn hiện hữu. Phần đất tranh chấp là phần bờ nằm giáp ranh giữa phần đất anh L và chị T với đất ông Đ, anh Đ1 và anh Đ2 đang sử dụng; hiện trạng phần đất các bên đang sử dụng đều có nương liền kề với phần bờ đang tranh chấp. Mặc dù trên phần bờ đang tranh chấp phía anh L và chị T có trồng dừa trước đây, nhưng đến năm 2022 các bên đã thống nhất với nhau về ranh đất và đã cắm trụ đá để xác định ranh, các trụ đá hiện nay vẫn còn; các bên đều xác định vị trí các trụ đá đúng với vị trí mà các bên thống nhất cắm để xác định ranh vào năm 2022, không thay đổi. Theo vị trí các trụ đá các bên thống nhất cắm để xác định ranh đất thì

phần đất tranh chấp hiện nay thuộc về phần bờ của ông Đ, anh Đ1 và anh Đ2; các cây dừa anh L và chị T trồng là nằm trên phần bờ của ông Đ, anh Đ1 và anh Đ2. Việc anh L và chị T đưa ra căn cứ anh, chị trồng dừa trên đất gần 20 năm để cho rằng phần bờ tranh chấp là của anh L và chị T là chưa có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L và chị T, buộc ông Đ, anh Đ1, anh Đ2 trả lại phần đất tranh chấp là chưa phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh L và chị T là có căn cứ.

[3] Đối với các cây trồng của anh L và chị T trên phần đất tranh chấp (thuộc phần bờ của ông Đ), ông Đ có yêu cầu anh L và chị T khai thác, di dời để trả lại đất; do đó, buộc anh L và chị T khai thác, di dời để trả lại đất cho ông Đ là phù hợp.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo ông Lê Văn Đ, anh Lê Minh Đ1, anh Lê Minh Đ2, sửa bản sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L và chị T là có căn cứ.

[6] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L và chị T, nên anh L và chị T phải chịu chi phí đo đạc, định giá, án phí sơ thẩm theo quy định. Chi phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm 200.000 đồng, anh Đ1 tự nguyện chịu (đã nộp xong).

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ, anh Đ1, anh Đ2 không phải chịu. Ông Đ được miễn nộp tạm ứng án phí; anh Đ1, anh Đ2 đã dự nộp được nhận lại.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn Đ, anh Lê Minh Đ1, anh Lê Minh Đ2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L và chị Bùi Thị T về việc: Buộc ông Lê Văn Đ trả diện tích đất theo đo đạc thực tế là 111,7m²; buộc anh Lê Minh Đ2 trả diện tích thực tế là 79,1m²; buộc anh Lê Minh Đ1 trả diện tích đất theo đo đạc thực tế là 308m²; đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Có Mảnh trích đo địa chính ngày 22/9/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T7 kèm theo).

Buộc anh Lê Văn L và chị Bùi Thị T khai thác, di dời các cây trồng trên phần bờ thuộc phần đất của ông Đ để trả lại đất cho ông Đ.

- Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá số tiền 15.122.000 đồng, anh L và chị T phải chịu (anh L và chị T đã nộp xong). Chi phí xem xét thẩm định 200.000 đồng anh Đ1 tự nguyện chịu (anh Đ1 đã nộp xong).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn L và chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng. Anh L và chị T đã dự nộp 825.000 đồng theo các biên lai thu số 0003956 ngày 25/10/2023 và 0015061 ngày 21/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình, đối trừ được nhận lại 525.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ, anh Đ1, anh Đ2 không phải chịu. Ông Đ được miễn dự nộp tạm ứng án phí; anh Đ1 và anh Đ2 mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0015909, 0015910 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập